

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-5-2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Giang San và bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu H trình bày:

Chị Đinh Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001, quyền số 01 ngày 02/01/2002. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, mặt khác do anh D còn hay ghen tuông nên trong thời gian chung sống anh còn nhiều lần chửi mắng chị với những lời lẽ xúc phạm nên dẫn đến vợ chồng chị ngày càng mâu thuẫn hơn. Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng mấy tháng nay, cụ thể là khi còn sống

chung nhà ở ấp 2, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thì do mâu thuẫn vợ chồng nên khoảng từ giữa năm 2021 vợ chồng anh chị mỗi người một phòng riêng, không quan tâm gì đến nhau, đến tết âm lịch 2022 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã dọn ra khỏi nhà, từ khi sống ly thân vợ chồng chị mệnh ai người đó sống, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Duyên H, sinh ngày 16/01/1997 và Nguyễn Mộng Ngọc H, sinh ngày 03/01/2008. Cháu H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu H, tạm thời chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh Thống nhất quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian ly thân như chị H trình bày là đúng.

Nay anh cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh ngày càng trầm trọng khó hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H, do anh còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Duyên H, sinh ngày 16/01/1997 và Nguyễn Mộng Ngọc H, sinh ngày 03/01/2008. Cháu H đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu H thì nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với ai thì anh sẽ đồng ý theo nguyện vọng của cháu, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh cũng xác định chị H có đủ các điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

- Về tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị H được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Duyên H, sinh ngày 16/01/1997 và Nguyễn Mộng Ngọc H, sinh ngày 03/01/2008. Cháu

H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét. Anh D đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của cháu H, theo lời trình bày của cháu H, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp chị H và anh D ly hôn. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các đương sự.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn D, địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị H và bị đơn anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001, quyền số 01 ngày 02/01/2002 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị H:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh D đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ giữa tháng 11/2021 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị H kiên quyết ly hôn, còn anh D không đồng ý ly hôn do anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh D là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

HĐXX xét thấy yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh D là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Duyên H, sinh ngày 16/01/1997 và Nguyễn Mộng Ngọc H, sinh ngày 03/01/2008. Cháu H đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tại lời khai của anh D, nếu Toà án giải quyết ly hôn thì về quyền nuôi dưỡng đối với cháu H thì anh theo nguyện vọng của con. Tại lời khai của cháu H thì nếu Toà án giải quyết cho chị H, anh D ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H. Anh D và chị H đều xác định chị H có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, xét cần giao con chung là cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Hồng về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Nguyễn Mộng Ngọc H, sinh ngày 03/01/2008. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn con

chung tên Nguyễn Duyên H, sinh ngày 16/01/1997 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005166 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thu H, anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

